TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THUẬN CHÂU** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 26/3/2025
V/v: Ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN CHÂU, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lường Tiến Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lò Văn Quốc.

2. Bà Lý Thị Vinh.

- Thư ký phiên toà: Bà Lò Thị Hiền -Thư ký Toà án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Bạc Thị Thoản - Kiểm sát viên.

Ngày 26/3/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 22/2024/TLST- HNGĐ ngày 22/10/2024 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 21/02/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 60/2025/QĐST-HNGĐ ngày 18/3/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 62/2025/QĐST-HNGĐ ngày 21/3/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Cà Thị T**; Sinh năm: 1992; Địa chỉ: Bản T, xã N, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh **Cà Văn P;** Sinh năm: 1988; Địa chỉ: Bản T, xã N, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 22/10/2024, bản tự khai, nguyên đơn chị Cà Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Cà Văn P kết hôn với nhau từ ngày 07/12/2012 tại UBND xã N, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La kết hôn do cả hai bên cùng tự nguyện, không bên nào bị cưỡng ép, lừa dối. Sau khi kết hôn chị và anh P chung sống hoà thuận hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính phát sinh mâu thuẫn là do khác biệt quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài không tìm được tiếng nói chung, đã ly thân từ năm 2023 cho đến nay. Chị T nhận thấy cuộc hôn nhân này không còn hạnh phúc nên đã viết đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu giải quyết cho chị được ly hôn anh Cà Văn P.

- Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Trong thời gian chung sống anh, chị có 02 con chung: Cháu Cà Thị H, sinh ngày 16/3/2013, cháu Cà Thị M, sinh ngày 27/6/2015. Chị đề nghị giao cháu Cà Thị M cho chị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị đề nghị giao cháu Cà Thị H cho anh

Cà Văn P được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản riêng: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ chị T không cung cấp thêm chứng cứ cho Tòa án và không yêu cầu triệu tập đương sự khác, người làm chứng, người tham gia tố tụng. Nguyên đơn chị T đề nghị không tiến hành hòa giải và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Kể từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến trước khi ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Thụ lý đúng thẩm quyền tại Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự , xác định đúng quan hệ pháp luật, xác định đầy đủ tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ đầy đủ đúng quy định. Đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, gửi kịp thời các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng theo quy định tại các Điều 97, Điều 195, Điều 196, Điều 198, Điều 203, Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa đã thực hiện theo đúng quy định tại Điều 51, Điều 237 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự đúng theo quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của nguyên đơn chị Cà Thị T: Chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt là đảm bảo, đúng quy định pháp luật.

- Về sự vắng mặt của bị đơn anh Cà Văn P: Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ, niêm yết vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt là đảm bảo, đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 177, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Đề nghị:

- *Về hôn nhân:* Xử cho chị Cà Thị T được ly hôn với anh Cà Văn P.

- *Về con chung:* Xử giao cháu Cà Thị M, sinh ngày 27/6/2015 cho chị Cà Thị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Xử giao cháu Cà Thị H, sinh ngày 16/3/2013 cho anh Cà Văn P được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị T, anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- *Về án phí:* Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Cà Thị T.

** Những yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm:* Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Xét yêu cầu giải quyết việc ly hôn của nguyên đơn chị Cà Thị T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, bị đơn có nơi cư trú tại huyện Thuận Châu nên Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La thụ lý giải quyết là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của nguyên đơn chị Cà Thị T: Nguyên đơn chị Cà Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt là đảm bảo, đúng quy định pháp luật.

- Về sự vắng mặt của bị đơn anh Cà Văn P: Anh Cà Văn P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, niêm yết bị đơn vắng mặt không có lý do, vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt là đảm bảo, đúng quy định pháp luật.

[2]. Về hôn nhân: Chị Cà Thị T và anh Cà Văn P có đăng ký kết hôn từ ngày 07/12/2012 tại UBND xã N, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La kết hôn do cả hai bên cùng tự nguyện, không bên nào bị cưỡng ép, lừa dối đúng theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh P là hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống hôn nhân rơi vào bế tắc. Từ năm 2023

cho đến nay chị và anh đã sống ly thân, mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai.

Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh, chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị T có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh P và chị T giữ nguyên yêu cầu ly hôn, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị T ly hôn với anh P.

[3]. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Trong thời gian chung sống anh, chị có 02 con chung: Cháu Cà Thị H, sinh ngày 16/3/2013, cháu Cà Thị M, sinh ngày 27/6/2015. Chị đề nghị giao cháu Cà Thị M cho chị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị đề nghị giao cháu Cà Thị H cho anh Cà Văn P được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của các con, đảm bảo quyền lợi của con chưa thành niên, xem xét chị T, anh P đều có đủ khả năng và điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con hàng ngày. Tại biên bản ghi ý kiến cháu Cà Thị H có nguyện vọng muốn ở với anh P, cháu Cà Thị M có nguyện vọng muốn ở với chị T. Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho các cháu như ăn mặc, học hành, những điều kiện cho sự phát triển về thể chất và tinh thần, tâm sinh lý. Giao cháu Cà Thị M cho chị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Giao cháu Cà Thị H cho anh P được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung là có căn cứ cần được chấp nhận, hợp tình, hợp lý. Sau khi ly hôn chị T, anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở, người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó căn cứ Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4].Về tài sản chung: Không có.

[5]. Về tài sản riêng: Không có.

[6]. Về nợ chung: Không có.

[7]. Về án phí: Chị Cà Thị T là người dân tộc thiểu số sinh sống ở khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Cà Thị T.

[8]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 177, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Cà Thị T được ly hôn với anh Cà Văn P.

2. Về con chung: Xử giao cháu Cà Thị M, sinh ngày 27/6/2015 cho chị Cà Thị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Xử giao cháu Cà Thị H, sinh ngày 16/3/2013 cho anh Cà Văn P được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Cà Thị T, anh Cà Văn P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Cà Thị T.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Cà Thị T, anh Cà Văn P có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Thuận Châu(02 bản);
- Chi cục THADS huyện Thuận Châu;
- UBND xã N, huyện Thuận Châu;
- Các đương sự.
- Lưu án văn;
- Lưu:Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lường Tiến Hải